

Số: /BC-UBND

Ia H'Drai, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023 đối với xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quy định mức đạt chuẩn Bộ tiêu chí quốc gia về: xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025 và phân công đơn vị phụ trách tiêu chí;

Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Ia Đal tại Tờ trình số 112/TTr-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 về việc đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã Ia Đal đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn xã Ia Đal của các thành viên Văn phòng điều phối nông thôn mới huyện, Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2023 đối với xã Ia Đal, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày 25/09/2023 đến ngày 06/10/2023):

1. Về hồ sơ: Thành phần hồ sơ của Ủy ban nhân dân xã gửi đảm bảo theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, gồm:

1.1. Tờ trình số 112/TTr-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của UBND xã Ia Đal về việc đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã Ia Đal đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023;

1.2. Biên bản cuộc họp ngày 20 tháng 9 năm 2023 đề nghị xét, công nhận xã Ia Đal đạt chuẩn nông thôn mới cuối năm 2023;

1.3. Báo cáo số 724/BC-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của UBND xã Ia Đal về kết quả xây dựng nông thôn mới đến năm 2023 xã Ia Đal, huyện Ia H’Drai, tỉnh Kon Tum;

1.4. Báo cáo số 725/BC-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của UBND xã Ia Đal về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới năm 2023 của xã Ia Đal, huyện Ia H’Drai, tỉnh Kon Tum;

1.5. Báo cáo số 726/BC-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của UBND xã Ia Đal về tình hình nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Ia Đal;

1.6. Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Ia Đal và các hồ sơ minh chứng kèm theo (bảng giấy).

Và các hồ sơ minh chứng kết quả thực hiện các Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã Ia Đal.

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới

Đảng ủy xã Ia Đal đã thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Ia Đal giai đoạn 2021-2025¹ và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Ia Đal giai đoạn 2021-2025². Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia xã đã phân công thành viên phụ trách thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã năm 2023³. Ủy ban nhân dân xã đã thành lập và kiện toàn Ban Quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã giai đoạn 2021-2025⁴; thành lập Ban phát triển các thôn; thành lập Đoàn đánh giá thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn thôn (làng) nông thôn mới và thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn xã⁵; Tổ thẩm định các công trình thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia xã Ia Đal năm 2022⁶.

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành kế hoạch thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025⁷; kế hoạch truyền thông, tuyên truyền Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã giai đoạn 2021-2025⁸; Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Kon Tum chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã⁹. Hàng năm, Ủy ban nhân dân xã ban hành các kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các kế hoạch thực hiện các nội dung cụ thể của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; phối hợp đào tạo, tập huấn Chương trình

¹ Quyết định số 64-QĐ/HU ngày 20 tháng 6 năm 2023

² Quyết định số 65-QĐ/ĐU ngày 20 tháng 6 năm 2022.

³ Thông báo số /TB-BCĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023;

⁴ Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022;

⁵ Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2022;

⁶ Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Ia Đal

⁷ Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2020; Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2021;

⁸ Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2023;

⁹ Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2023.

mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho cán bộ, công chức cấp xã, cán bộ cấp thôn do cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức; chỉ đạo phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề nông thôn nhằm nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân, huy động được các nguồn lực xây dựng nông thôn mới.

3. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới

3.1. Tiêu chí số 1 về quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí

Có quy hoạch chung xây dựng xã¹⁰ được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn.

Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Đồ án quy hoạch chung xây dựng Nông thôn mới xã Ia Đal được Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai phê duyệt tại Quyết định 355/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2015, đến nay vẫn còn hiệu lực, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021-2025 (trong đó có quy hoạch thương mại dịch vụ cho vùng sản xuất nông sản hàng hóa có quy mô lớn) và được công bố công khai đảm bảo theo quy định.

Quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Ia Đal được Ủy ban nhân dân huyện ban hành tại Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015. Việc xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã được thực hiện đảm bảo theo quy hoạch được phê duyệt.

c) Đánh giá: đạt.

3.2. Tiêu chí số 2 về giao thông:

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm 100%;

Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm $\geq 80\%$;

Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm 100% (60% được cứng hóa);

Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm $\geq 60\%$;

¹⁰ Quy hoạch chung xây dựng xã phải đáp ứng các yêu cầu về thực hiện: Cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và bảo vệ môi trường nông thôn; khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn (hạ tầng khu sơ chế, chế biến, trung chuyển nguyên liệu và sản phẩm nông nghiệp) phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận lợi quanh năm đạt 100% (17 km/17 km).

Tỷ lệ thôn bản ấp và đường liên thôn bản ấp được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận lợi quanh năm đạt tỷ lệ 88,5% (59,08 km/66,7 km);

Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội đạt 100% (53,8km/53,8km), trong đó đã cứng hóa 73,42% (39,5km/53,8km).

Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận lợi quanh năm đạt 69,92% (199,98km/286km).

c) Đánh giá: đạt.

3.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi

a) Yêu cầu tiêu chí

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên;

Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ;

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hiện nay, Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 100%, trong đó: Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động đạt 100%; tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp được tiêu chỉ động đạt 100%.

Bộ máy tổ chức thực hiện công tác phòng, chống thiên tai được thành lập và kiện toàn theo quy định của pháp luật, có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng, chống thiên tai tại địa phương. Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh. Cơ sở hạ tầng thiết yếu đảm bảo phù hợp quy hoạch, phục vụ tốt công tác thông tin cảnh báo và ứng phó thiên tai và được bảo vệ đảm bảo theo quy định.

c) Đánh giá: đạt.

3.4. Tiêu chí số 4 về Điện

a) Yêu cầu tiêu chí

Hệ thống điện đạt chuẩn.

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Hiện nay hệ thống điện lưới trên địa bàn xã đạt chuẩn (mạng lưới điện quốc gia), cung cấp điện sinh hoạt và điện sản xuất cho tất cả các thôn, điểm dân cư trên địa bàn xã.

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn trên địa bàn là 100% (1.270/1.270 hộ).

c) Đánh giá: đạt.

3.5. Tiêu chí số 5 về Trường học

a) Yêu cầu tiêu chí: Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định (Đối với xã có từ 03 trường trở xuống: 100% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó $\geq 50\%$ đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí: Trên địa bàn xã có 01 trường mầm non công lập, 01 trường TH-THCS. Hiện nay, 02/02 trường đã đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó có 1 trường có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

c) Đánh giá: đạt.

3.6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa

a) Yêu cầu tiêu chí

Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.

Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định¹¹.

Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Xã có hội trường nhà văn hóa đa năng nằm tại thôn Ia Đal có diện tích xây dựng 250m², đảm bảo trên 200 người ngồi; có điểm tập luyện thể thao đơn giản cụ thể: sân bóng đá 2000m² tại thôn Ia Đal, sân trường TH – THCS Hùng Vương 800 m².

Ủy ban nhân dân xã mượn điểm vui chơi trường mầm non Măng Non làm điểm vui chơi cho trẻ em, sử dụng nhà văn hóa thôn làm điểm sinh hoạt, giải trí cho người già. Hoạt động vui chơi, sinh hoạt, giải trí của trẻ em, người già tại các điểm trên đảm bảo 30% quỹ thời gian trong năm.

Địa bàn xã có 11/11 thôn có nhà văn hóa, nơi sinh hoạt cộng đồng, trong đó có 04 thôn được đầu tư xây dựng nhà văn hóa (Thôn 3, Thôn 4, thôn Ia Đal, thôn Chư Hem), các thôn còn lại mượn Hội trường của các nông trường doanh nghiệp trồng cao su làm nơi sinh hoạt cộng đồng.

c) Đánh giá: đạt.

3.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu tiêu chí: Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

¹¹ Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em.

Trên địa bàn xã có 11/22 cửa hàng kinh doanh đảm bảo có bảng hiệu thể hiện tên cửa hàng, địa chỉ, số điện thoại liên hệ với đại diện tổ chức quản lý được phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Ia H'Drai cấp giấy phép kinh doanh. Các cửa hàng kinh doanh thực hiện đảm bảo thời gian mở cửa từ 6 giờ 00 phút sáng tới 21 giờ hàng ngày phù hợp cho nhu cầu mua sắm của người dân; 11/22 cửa hàng kinh doanh có diện tích kinh doanh trên 50m² và có nơi để xe quy mô phù hợp. Các cửa hàng đều được xây dựng vững chắc, đảm bảo các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm, đa dạng hóa các mặt hàng kinh doanh, thuận tiện cho việc mua bán hàng hóa của người dân. Không kinh doanh các mặt hàng thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật, đảm bảo đáp ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Đánh giá: đạt.

3. 8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông

a) Yêu cầu tiêu chí

Xã có điểm phục vụ bưu chính;

Xã có dịch vụ viễn thông, internet;

Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn;

Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

Xã có 1 điểm Bưu điện văn hóa xã tại Thôn 3, với diện tích 30m². Được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất đảm bảo cho việc cung ứng và phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương. Điểm Bưu điện văn hóa xã hoạt động 02 buổi/ngày. Thời gian hoạt động, buổi sáng 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 30 phút từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần. Ngoài việc nhận chuyển các bưu kiện, bưu phẩm cho người dân, điểm bưu điện văn hóa xã còn phục vụ Nhân dân trong vùng theo các loại hình kinh doanh, cụ thể: kinh doanh hoạt động hàng tiêu dùng, kinh doanh bán bảo hiểm xe máy, dịch vụ viễn thông.

Trên địa bàn xã hiện có 06 trạm phát sóng của các nhà mạng như Viettel, Vinaphone phủ sóng. Hệ thống cáp truyền tải được nâng cấp đạt chuẩn. Tỷ lệ hộ dân trong xã sử dụng điện thoại di động đạt 90%, các hộ dân đăng ký sử dụng dịch vụ Internet ngày càng nhiều.

Địa bàn xã có 1 đài truyền thanh sóng FM được thành lập năm 2019, với chiều dài đường dây truyền thanh 10.000m, được trang bị đầy đủ hệ thống cơ sở vật chất đảm bảo thực hiện nhiệm vụ thông tin tuyên truyền tại địa phương. Đài truyền thanh xã có 22 cụm hoạt động phủ sóng khắp 11 thôn, với tổng số 44 loa. Tỷ lệ hộ dân nghe được tiếng loa của đài đạt 100%. Đài hoạt động các ngày trong tuần (kể cả Thứ 7, Chủ nhật). Tiếp âm đủ 3 cấp, với 02 buổi/ngày (sáng, tối) đúng theo quy định. Có cộng tác tin bài với Đài truyền thanh huyện và tiếp âm Chương trình phát thanh của Đài tiếng nói Việt Nam, Đài truyền thanh huyện. Ủy ban nhân dân xã bố trí 01 công chức kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của đài truyền thanh.

Hiện nay, 100% cán bộ, công chức xã được trang bị máy tính phục vụ công tác và các máy tính đều kết nối Internet. Hiện có 100% công chức xã sử dụng mềm quản lý văn bản và điều hành; 100% văn bản đến được văn thư chuyên lãnh đạo xử lý, phê duyệt trên phần mềm; ứng dụng quy trình xử lý văn bản đi trên phần mềm đạt 96% của văn bản đi của Ủy ban nhân dân xã. Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức triển khai và ứng dụng chữ ký số để ký số 95% các văn bản đi.

c) Đánh giá: đạt.

3.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu tiêu chí

Xã không có nhà tạm, dột nát;

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố $\geq 75\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí: Trong năm 2023, Ủy ban nhân dân xã đã phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, sự hỗ trợ của Nhà nước đầu tư xây dựng mới cho 44 hộ, sửa chữa 53 hộ thuộc nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã. Hiện nay, trên địa bàn xã không có nhà tạm, dột nát; có 1.141 hộ/1.270 hộ có nhà ở kiên cố, bán kiên cố theo tiêu chuẩn của Bộ xây dựng, đạt tỷ lệ 88%.

c) Đánh giá: đạt.

3.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a) Yêu cầu tiêu chí: Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 ≥ 42 triệu đồng/người.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí: Qua điều tra thu nhập của tổng số hộ điều tra mẫu và biểu suy rộng thu nhập bình quân nhân khẩu thực tế của xã. Thu nhập bình quân nhân khẩu thực tế của xã đạt 43,608 triệu đồng/người/năm.

c) Đánh giá: đạt.

3.11. Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều

a) Yêu cầu tiêu chí: Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025 $\leq 13\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí: Qua rà soát, hiện nay tỷ lệ nghèo đa chiều trên địa bàn xã là 12,9%, trong đó số hộ nghèo là 107 hộ/1675 hộ chiếm tỷ lệ 6,39 % tổng số hộ; số hộ cận nghèo là 109 hộ/1675 hộ chiếm tỷ lệ 6,51 % tổng số hộ.

c) Đánh giá: đạt.

3.12. Tiêu chí 12 về Lao động có việc làm

a) Yêu cầu tiêu chí

Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 70\%$;

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 20\%$;

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Tổng lao động trên địa bàn xã: 2.652 lao động, trong đó lao động qua đào tạo: 1.998 lao động, chiếm 75,3%.

Tổng số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ: 1.942 người, chiếm 73,23%, trong đó: Đại học: 54 người, Cao đẳng: 27 người, Trung cấp: 64 người, Sơ cấp: 7 người, Chứng chỉ nghề dưới 3 tháng: 1.790 người.

c) Đánh giá: đạt.

3.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu tiêu chí

Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã;

Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững;

Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương;

Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường;

Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Hiện tại trên địa bàn xã có 04 hợp tác xã hoạt động theo luật hợp tác xã 2012, trong đó có Hợp tác xã nông nghiệp Minh Phúc đang hoạt động hiệu quả.

Mủ cao su là sản phẩm chủ lực trên địa bàn xã¹². Công ty cổ phần cao su Sa Thầy là doanh nghiệp trồng, khai thác, sơ chế mủ cao su trên địa bàn xã. Hiện nay, Công ty cổ phần cao su Sa Thầy đã ký và thực hiện hợp đồng mua bán dài hạn năm 2023 với tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần. Đây là mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững trên địa bàn xã.

Quy trình khai thác mủ cao su của Công ty cổ phần cao su Sa Thầy có hồ sơ truy xuất nguồn gốc và được chứng nhận ISO 14001:2015.

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành và triển khai kế hoạch phát triển nghề truyền thống của các dân tộc thiểu số tại chỗ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn xã¹³ với nội dung phát triển nghề dệt thổ cẩm và nghề làm rượu cần.

Tổ Khuyến nông cộng đồng xã Ia Đal được Ủy ban nhân dân huyện Ia H' Drai thành lập tại Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2023. Sau khi được thành lập tổ khuyến nông cộng đồng phối hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện đã triển khai mô hình trồng sản kháng bệnh khảm lá Virus tại thôn 3 xã Ia Đal; phối hợp với Trung tâm Khuyến nông tổ chức Hội nghị tập huấn về kinh tế tuần hoàn cho 30 học viên; tư vấn cho 01 nhóm hộ thôn Ia Đal để thành lập 01

¹² Theo Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Ia Đal về việc công nhận sản phẩm chủ lực xã Ia Đal.

¹³ Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023; Báo cáo số 701/BC-UBND ngày 12 tháng 09 năm 2023

tổ hợp tác; tư vấn, hỗ trợ hoạt động cho Hợp tác nông nghiệp Minh Phúc tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tư vấn hợp đồng liên kết sản xuất chăn nuôi bò cái sinh xuất, kết nối thị trường cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Ia Đal; phối hợp với Ủy ban nhân dân xã thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm nhung hươu khô thái lát xử nóng và bột nhung hươu xử nóng cho Hợp tác xã nông nghiệp Minh Phúc; tư vấn chính sách hỗ trợ, phát triển Hợp tác xã cho Hợp tác xã nông nghiệp Minh Phúc; phối hợp với các đơn vị cung ứng giống, vật tư nông nghiệp tư vấn dịch vụ nông nghiệp cho Hợp tác xã nông nghiệp Minh Phúc hoạt động lĩnh vực chăn nuôi. Ngoài ra, Tổ Khuyến nông cộng đồng đã tham gia hoạt động tuyên truyền cho các em học sinh tại Trường TH-THCS Hùng Vương tham gia vận động các em hoạch sinh đến lớp đầy đủ lớp đầy đủ, không có tư tưởng bỏ trường, bỏ lớp.

c) Đánh giá: đạt.

3.14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo

a) Yêu cầu tiêu chí

Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ, cụ thể: Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2; Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1: $\geq 98\%$; Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2; Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại: Khá.

Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Theo kết quả rà soát, hiện nay xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (143/143 đạt 100%); đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 (số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học 90/95 đạt 94,74%); tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 trên địa bàn đạt 100% (126/126 đạt); xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS đạt mức độ 2 (đối tượng 15 – 18 tuổi có bằng tốt nghiệp THCS: 213/223 đạt 95,52%); xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 (hoàn thành chương trình lớp 5 (độ tuổi 15-60 biết chữ): 3082/3109 đạt 99,13%). Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá xếp loại: Đạt.

Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông đạt 100%, trong đó tỷ lệ học sinh nữ tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông đạt 100% (29/29 học sinh); tỷ lệ học sinh nam tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông đạt 100% (20/20 học sinh).

c) Đánh giá: đạt.

3.15. Tiêu chí số 15 về Y tế

a) Yêu cầu tiêu chí

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$;

Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế;

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 26,5\%$;

Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Ủy ban nhân dân xã đã triển khai hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân. Đến nay, địa bàn xã có 4865 người /4961 nhân khẩu tham gia bảo hiểm y tế, đạt tỷ lệ 98,06%. Xã đã đạt tiêu chí quốc gia về y tế theo Quyết định số 747/QĐ-UBND, ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc công nhận xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2022; Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) 18,9%; Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt là 77,2%.

c) Đánh giá: đạt.

3.16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa

a) Yêu cầu tiêu chí: Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hằng năm, các hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa đều đạt tỷ lệ 100% và cuối năm công nhận đạt tỷ lệ trên 80%¹⁴. Do làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nên trên địa bàn xã không xảy ra bạo lực gia đình. Hiện tại, xã đã xây dựng được 11 địa chỉ tin cậy tại cộng đồng đảm bảo việc hỗ trợ tư vấn, nơi tạm lánh cho các nạn nhân bạo lực gia đình. Hằng năm, Văn hóa thông tin đều tổng hợp các chỉ số về thông tin gia đình và tình hình bạo lực gia đình trên địa bàn xã báo cáo về huyện. Tính đến nay, xã có 11/11 thôn được công nhận và giữ vững danh hiệu “Thôn văn hóa” theo quy định liên tục từ 03 năm trở lên từ năm 2020 đến năm 2022 (đạt tỷ lệ 100%).

Hiện 11/11 thôn đã xây dựng và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới năm 2023.

c) Đánh giá: đạt.

3.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm

a) Yêu cầu tiêu chí

Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 30\%$ ($\geq 10\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung);

Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường $\geq 90\%$;

Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung;

¹⁴ Cụ thể năm 2022, có 1228/1228 đăng ký xây dựng gia đình văn hóa. Qua bình xét cuối năm được 1027/1228 hộ công nhận gia đình văn hóa đạt tỷ lệ 83,6 %.

Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$;

Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch;

Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định $\geq 70\%$;

Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%;

Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch¹⁵ $\geq 70\%$;

Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 60\%$.

Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%;

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 30\%$;

Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 30\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân xã đã triển khai thực hiện các giải pháp đảm bảo về môi trường và an toàn thực phẩm, cụ thể:

Huy động các nguồn lực để đầu tư các công trình cấp nước tập trung; hỗ trợ người dân vay vốn để đầu tư nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn. Đến nay, Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn trên địa bàn đạt 20,6%, trong đó tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung 13,3%;

Tăng cường công tác tuyên truyền bảo vệ môi trường đến các cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản. Đến nay, tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%;

Huy động nhân dân xây dựng cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn, thường xuyên vệ sinh điểm dân cư nông thôn, không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung;

Quy hoạch bố trí đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn. Hiện nay, đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã là 25,2 m²/người;

Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch. Theo rà soát, hiện nay việc mai táng trên địa bàn xã được thực hiện đảm bảo quy định và theo quy hoạch;

Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thường xuyên thu gom, xử lý theo quy định đối với chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại, bao gói thuốc bảo vệ thực vật, chất thải rắn y tế. Hiện nay, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và

¹⁵ Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).

chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 77,01%; Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%;

Hỗ trợ, vận động nhân dân đầu tư xây dựng nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch. Đến nay, tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch trên địa bàn xã đạt 70,5%;

Tổ chức tuyên truyền, đề nghị các cơ sở chăn nuôi thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường của các cơ sở chăn nuôi. Theo kết quả đánh giá kiểm tra tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt 74,08%;

Tổ chức tuyên truyền đảm bảo an toàn thực phẩm cho đến các hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm bằng nhiều hình thức khác nhau. Đến nay, Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%;

Tuyên truyền, vận động nhân dân phân loại chất thải rắn tại nguồn, đến nay Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt 59,2%.

Vận động nhân dân thực hiện các biện pháp thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa theo quy định. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định trên địa bàn xã hiện nay đạt 31,9%.

c) Đánh giá: đạt.

3.18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu tiêu chí

Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn;

Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định;

Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội;

Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Tính đến ngày 31/12/2022, tổng số cán bộ, công chức trên địa bàn xã là 21 người (trong đó: 11 cán bộ, 10 công chức), số cán bộ, công chức đạt chuẩn¹⁶ là 21 người, đạt tỷ lệ 100%.

Năm 2022, Đảng bộ xã Ia Đal được xếp loại chất lượng “hoàn thành tốt nhiệm vụ” theo Quyết định số 642-QĐ/HU ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Huyện ủy Ia H'Drai. Ngày 12 tháng 9 năm 2023, Đảng ủy xã Ia Đal ban hành văn bản số 420-CV/ĐU cam kết Đảng bộ xã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2023 và được Ban Thường vụ Huyện ủy Ia H'Drai thống nhất tại Công văn số 1261-CV/HU ngày 20 tháng 9 năm 2023; chính quyền xã Ia Đal xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, tại Quyết định số 463/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai.

Năm 2022, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Hội Nông dân xã, Hội Cựu chiến binh xã, Hội Liên hiệp phụ nữ xã, Đoàn Thanh niên xã được Đảng ủy xã Ia Đal xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ tại Quyết định số 69-QĐ/ĐU ngày 19 tháng 12 năm 2022.

Năm 2022, xã Ia Đal được Ủy ban nhân dân huyện công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng phương hướng thực hiện năm 2023, đảm bảo thực hiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

Hiện nay, Ủy ban nhân dân xã có 01 nữ làm phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Số lao động nữ tham gia các hợp tác xã, các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chiếm 30% tổng số lao động. Địa bàn xã không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn; Tỷ số giới tính khi sinh đảm bảo đạt chỉ tiêu theo Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; trên địa các thôn đều có 01 địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh ở cộng đồng đạt chuẩn hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình. Ủy ban nhân dân xã đã bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em; thành lập Ban bảo vệ trẻ em cấp xã; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn được bảo vệ và hỗ trợ kịp thời. Xã thực hiện tốt quy định mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới; mỗi tháng có ít nhất 02 chuyên mục tuyên truyền về phòng, chống xâm hại trẻ em trên hệ thống thông tin.

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành và đang triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng

¹⁶ Đánh giá Cán bộ xã đạt chuẩn căn cứ theo Nghị định số 114/2003/NĐ-CP, ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV, ngày 16/01/2004 của Bộ Nội vụ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Đánh giá Công chức xã đạt chuẩn căn cứ theo Nghị định số 112/2011/NĐ-CP, ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn (đã sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ); Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Thông tư số 04/2022/TT-BNV ngày 23/5/2022 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 của Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn trên địa bàn xã năm 2023¹⁷.

c) Đánh giá: đạt.

3.19. Tiêu chí 19 về Quốc phòng và An ninh

a) Yêu cầu tiêu chí

Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng;

Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Lực lượng dân quân xã được xây dựng ”vững mạnh, rộng khắp”. Ban CHQS cấp xã có đủ 04 chức danh, đúng cơ cấu, thành phần, gồm: Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã là thành viên UBND xã, sĩ quan dự bị; Phó Chỉ huy trưởng là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Chính trị viên Ban CHQS xã do đồng chí Bí thư Đảng uỷ đảm nhiệm; Chính trị viên phó do đồng chí Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đảm nhiệm. Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng hiện nay có trình độ Trung cấp quân sự cơ sở. Hàng năm cán bộ Ban CHQS xã tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn do về chính trị, quân sự, pháp luật và chuyên môn nghiệp vụ theo thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc phòng. Ban chỉ huy quân sự xã có trụ sở làm việc riêng; nơi ăn, nghỉ cho dân quân thường trực; có trang bị, thiết bị làm việc theo quy định của Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ. Chi bộ quân sự xã có cấp uỷ và duy trì hoạt động có nề nếp, hiệu quả theo quy định của Ban tổ chức Trung ương; cơ cấu thành phần đảng viên của Chi bộ quân sự xã gồm: Các đồng chí đảng viên trong Ban CHQS xã và các đồng chí đảng viên trong trung đội dân quân cơ động, tiểu đội dân quân thường trực. Lực lượng dân quân xã được xây dựng đúng tổ chức, biên chế, có chất lượng tổng hợp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự của địa phương theo quy định tại Thông tư 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng và các văn bản Hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên. Ban Chỉ huy quân sự xã đã làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân xã; nâng tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân lên trên 18% (Theo Kết luận số 41-KL/TW ngày 31/3/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng); thôn đội trưởng, tiểu đội trưởng DQTT, trung đội trưởng DQCD là đảng viên và làm tốt công tác đăng ký, quản lý, sử dụng vũ khí, trang bị, vật liệu nổ quân dụng, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật theo Thông tư 76/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng và Hướng dẫn số 3809/HD-BTM ngày

¹⁷ Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Ia Đal

19/8/2020 của Bộ Tham mưu về việc đảm bảo, dự trữ vũ khí, đạn cho lực lượng DQTV ở trạng thái sẵn sàng chiến đấu thường xuyên. Tổ chức lực lượng dân quân xã tham gia làm nòng cốt trong đội xung kích, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai ở cấp xã.

Ban Chỉ huy quân sự xã thực hiện tốt các chỉ tiêu về quân sự, quốc phòng như: Xây dựng và quản lý lực lượng dự bị động viên; thực hiện công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự; thực hiện tốt công tác giáo dục quốc phòng và an ninh; kết hợp kinh tế - xã hội; quốc phòng với kinh tế xã hội; thực hiện chế độ chính sách; giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác tuyên truyền, thi đua khen thưởng.

Hàng năm, Đảng ủy ban hành Nghị quyết, chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, biện pháp bảo vệ an ninh, trật tự; nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở; vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể; quan tâm công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; giải quyết kịp thời, dứt điểm đúng quy định của pháp luật. Trong năm 2023, tính đến nay địa bàn xã không để tình trạng khiếu kiện phức tạp đông người xảy ra; không có hiện tượng hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng; không có hiện tượng các hoạt động chống đối Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân; không có hiện tượng các hoạt động tuyên truyền, phát triển tôn giáo trái pháp luật; gây rối an ninh trật tự... Không có hiện tượng mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân; không có khiếu kiện đông người, khiếu kiện vượt cấp kéo dài. Kiểm chế và làm giảm các loại tội phạm và vi phạm pháp luật khác so với năm trước, không có tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Đến nay, xã và 11 thôn trên địa bàn xã đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự năm 2023 theo quy định tại Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công an quy định về khu dân cư xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

4. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới: Tính đến nay trên địa bàn xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới.

5. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới: Ủy ban nhân dân xã xây dựng mục tiêu, giải pháp để nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới phù hợp với mục tiêu, giải pháp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của trung ương, tỉnh, huyện và phù hợp với tình hình thực tiễn trên địa bàn xã, cụ thể:

5.1. Mục tiêu

Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM trên cơ sở huy động và lồng ghép, tích hợp các nguồn lực, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của xã. Qua đó, nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân; phấn đấu thực hiện đạt và vượt mức các chỉ tiêu được huyện giao.

Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số; từng bước thay đổi diện mạo nông thôn, cấu trúc lại ngành nông nghiệp, tạo lập các cơ hội việc làm, mô hình sản xuất kinh doanh; tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, với tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”, giữ vững quốc phòng, an ninh, góp phần đưa xã Ia Đal phát triển nhanh và bền vững.

5.2. Giải pháp

Xây dựng chương trình, kế hoạch thật cụ thể, chi tiết, lựa chọn bước đi, cách làm phù hợp với điều kiện cụ thể ở thôn để triển khai tổ chức thực hiện.

Tiếp tục rà soát, bổ sung quy hoạch, chú trọng quy hoạch sản xuất nông nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang khu dân cư, thúc đẩy các mô hình sản xuất.

Vận dụng linh hoạt các cơ chế chính sách, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, các thành phần kinh tế, cộng đồng dân cư tham gia đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ và xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng ở nông thôn; xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư (Dự án chăn nuôi công nghệ cao) vào địa bàn và tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng, nhân lực để các nhà đầu tư triển khai dự án nhanh, thuận lợi nhất;

Xây dựng và ban hành Nghị quyết của Đảng ủy về nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; có cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện chương trình;

Thành viên Ban chỉ đạo cần bám sát kế hoạch công tác, nội dung được phân công theo dõi chỉ đạo các thôn, hướng dẫn chỉ đạo thực hiện các tiêu chí NTM. Thường xuyên chỉ đạo, nắm chắc tiến độ, kết quả triển khai trên địa bàn các thôn, tổng hợp báo cáo Trưởng Ban chỉ đạo định kỳ để từng bước nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ: Đảm bảo theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới: Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Ia Đal đã được Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới: không.

III. KIẾN NGHỊ

Kính đề nghị Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xét, công nhận xã Ia Đal đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023.

Trên đây là Báo cáo kết quả thăm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023 đối với xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Hội Nông dân huyện;
- Hội Cựu chiến binh huyện;
- Hội Liên hiệp phụ nữ huyện;
- Huyện Đoàn;
- Các Thành viên VPĐP NTM huyện;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT.
- Lưu: VT-LT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Văn Nhàng

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI ĐẾN
NĂM 2023 ĐỐI VỚI XÃ IA ĐAL, HUYỆN IA H'DRAI, TỈNH KON TUM**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện Ia H'Drai)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu Đạt chuẩn	Kết quả tự Đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
1	Quy hoạch	Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt
		Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
2	Giao thông	Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	100%	100%
		Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥80%	88,5%	88,5%
		Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% (60% được cứng hóa)	100% (73,42% được cứng hóa)	100% (73,42% được cứng hóa)
		Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	≥60%	69,92%	69,92%
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	80%	100%	100%
		Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt

4	Điện	Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	$\geq 95\%$	100%	100%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	Xã có từ 03 trường trở xuống: 100% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó $\geq 50\%$ đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1	Đạt	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hoá	Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt
		Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	100%	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Đạt	Đạt
		Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Đạt	Đạt
		Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	Đạt	Đạt
		Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Không
		Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	$\geq 70\%$	88%	88%

10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người	≥ 42 triệu đồng	43,608 triệu đồng	43,608 triệu đồng
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	$\leq 13\%$	12,90%	12,90%
12	Lao động	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 70\%$	75,3%	75,3%
		Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 20\%$	73,23%	73,23%
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	Đạt	Đạt	Đạt
		Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Đạt
		Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	100% sản phẩm chủ lực có hồ sơ truy xuất nguồn gốc (trong đó có ít nhất 01 sản phẩm được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương)	Đạt	Đạt
		Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Đạt
		Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt
14	Giáo dục và Đào tạo	Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2.	Đạt	Đạt

			<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1: $\geq 98\%$. - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2. - Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. - Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại: Khá. 		
		Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	$\geq 70\%$	100%	100%
15	Y tế	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	$\geq 98,06\%$	$\geq 98,06\%$
		Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt
		Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 26,5\%$	$\leq 18,9\%$	$\leq 18,9\%$
		Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 50\%$	77,2%	77,2%
16	Văn hoá	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới.	70%	100 %	100 %
	Môi trường và an toàn thực phẩm	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn.	$\geq 20\%$ ($\geq 10\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung)	96,5% 13,3 %	20,6% 13,3 %
		Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	$\geq 90\%$	100%	100%
		Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an	Đạt	Đạt	Đạt

17		toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.			
		Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn.	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$	$\geq 2,52\text{ m}^2/\text{người}$	$\geq 25,2\text{ m}^2/\text{người}$
		Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
		Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định.	$\geq 70\%$	77,01%	77,01%
		Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%
		Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	$\geq 70\%$	70,5%	70,5%
		Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.	$\geq 60\%$	74,08%	74,08%
		Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%	100%
		Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.	$\geq 30\%$	59,2%	59,2%
		Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.	$\geq 30\%$	31,9%	31,9%
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.	Đạt	Đạt	Đạt
		Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	Đạt	Đạt	Đạt
		Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	100%	100%	100%

		Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.			
		Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.	Đạt	Đạt	Đạt
		Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn.	Đạt	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng.	Đạt	Đạt	Đạt
		Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt	Đạt	Đạt